

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.103/TTQT 0231	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 09/04/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói tại khu vực xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội CAL01. Toạ độ X: 1174622; Y: 422805.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 25/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	<1,0	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	364,6	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	100.218	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
- . Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE	 
	TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	

B24.104/TTQT 0232	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 09/04/2024 Trang: 01/01
------------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói tại khu vực xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội CAL02. Tọa độ X: 1174591; Y: 422831.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 25/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	4,5	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	44,9	-
3. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	10.106	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

***Ghi chú:**
 - Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007. ngày 01/04/2021.
 -: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
 This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B24.57/TTQT 0173	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ ACL01. Tọa độ X: 1.174.459; Y: 422844.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 18/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	19	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	40,4	-
3. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	43.688	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	7,9	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

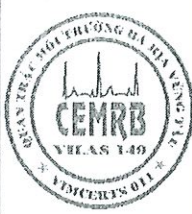
***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE	 
	TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	

B24.59/TTQT 0175	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2024 Trang: 01/01
-----------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ ACL02.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

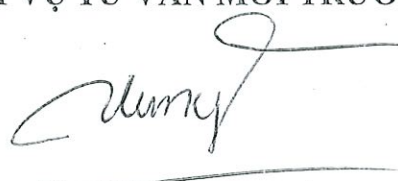
Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	18	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	89,5	-
3. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	13.479	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	134,8	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	25,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

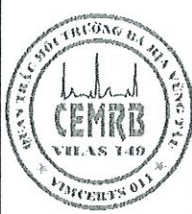


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.58/TTQT 0174	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ ACL03. Tọa độ X: 1.174.459; Y: 422713.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 18/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	15	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	383,3	-
3. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	78.364	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

-. Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

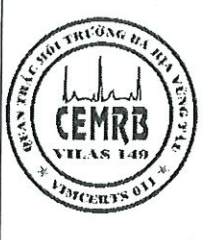


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B24.135/TTQT 0282	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 19/04/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL01). Toạ độ X: 1174941; Y: 422776.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 10/04/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	6,1	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	272	-
3. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	32.746	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG	GIÁM ĐỐC
	
Nguyễn Thị Hằng	<i>Lê Tuấn Kiệt</i>

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	---	---

B24.136/TTQT 0283	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 19/04/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL02). Tọa độ X: 1174898; Y: 422793.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 10/04/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	<1,0	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	45,8	-
3. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	24.765	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

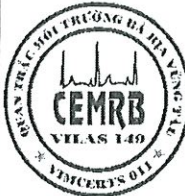


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B24.137/TTQT 0284	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 19/04/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL03). Tọa độ X: 1174875; Y: 422633.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 10/04/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	

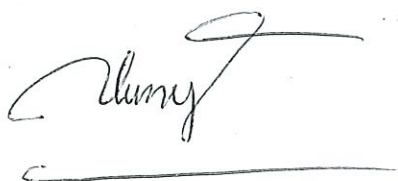
Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	15	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	42,4	-
3. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	14.234	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



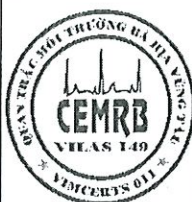
Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.92/TTQT 0212	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/04/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khu vực QA/QC. QA-01
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 22/03/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	3,3	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	23,7	-
3. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	4.048	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

-. Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG  Nguyễn Thị Hằng	GIÁM ĐỐC   Lê Tuấn Kiệt
---	---

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B24.91/TTQT 0211	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/04/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói lò hơi BOI-02. Toạ độ X: 1174616; Y: 422923.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 22/03/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	8,4	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	102	-
3. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	23.607	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1.000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG  Nguyễn Thị Hằng	GIÁM ĐỐC  Lê Tuấn Kiệt
---	---

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	---	---	--

B24.55 ÷ 56/TTQT 0181	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 01/04/2024 Trang: 01/01
---	--	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K1 ÷ K2 ARP01-ARP02
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 18/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		QCVN 51:2017/ BTNMT
		K1	K2	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	11	13	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	23,221	6,842	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	70,7	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	81,4	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	78,7	1,1	1000
6. Khí HCl mg/Nm ³	US EPA Method 26	<4,5	<4,5	-
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26	3,0	9,1	-
8. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	45,0	29,1	-

***Ghi chú:**

- K1: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid **ARP-01**. Tọa độ X = 1175005, Y = 423046.
- K2: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid **ARP-02**. Tọa độ X = 1175003, Y = 423057.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường NAVITEK".

**TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

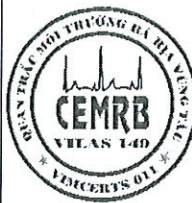


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tâm, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	--	---	--

B24.93 - 95/TTQT 0213	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/04/2024 Trang: 01/01
---	--	--

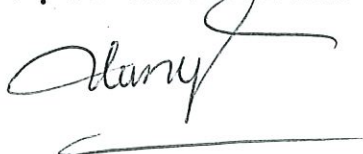
1. Vị trí đo Measurement Location	: K12 – K14 PL01-PL03
2. Ngày đo Date of measurement	: 22/03/2024
3. Khách hàng Customer	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo Measurement result	:

Tên chỉ tiêu Name of measurement norm	Thiết bị đo/Phương pháp Methods/Equipment for measurement	Kết quả Result			QCVN 51:2017/ BTNMT
		K12	K13	K14	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 17	<1,0	6,4	14	200
2. Lưu lượng m ³ /h	US EPA 02	21.496	38.520	100.559	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	18,3	<2,6	<2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	<1,9	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	17,1	<1,1	<1,1	1.000
6. Khí HCl mg/Nm ³	US EPA Method 26	<4,5	<4,5	<4,5	-
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26	0,80	0,63	0,74	-

***Ghi chú:**

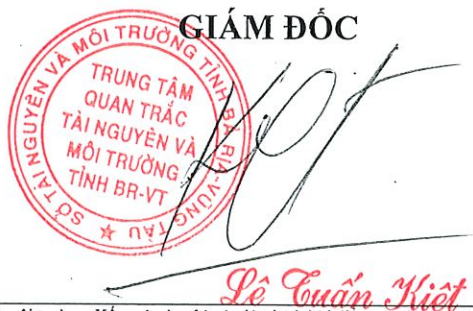
- **K12:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL-01**. Tọa độ X=1174700, Y=432071.
- **K13:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL-02**. Tọa độ X=1174788, Y=432065.
- **K14:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL-03**. Tọa độ X=1174546, Y=422970.
- Mẫu đo Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường NAVITEK".

**TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC


Lê Tuấn Kiệt

KQ/240000917
No.: NA240322-02KT01-02**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

Tên khách hàng/ Customer : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ/ Address : **28B đường Thi Sách, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa
– Vũng Tàu**

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHINA STEEL AND NIPPON STEEL
VIỆT NAM**

Tên mẫu/ Name of sample : **Khí thải**

Số lượng/ Quantity : **02 mẫu**

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **22/03/2024**

Ngày trả kết quả/ Date of result : **27/03/2024**

Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu trong chai nhựa – Được khách hàng mang đến.**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	
					KT01	KT02
1.	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26	0,15	3,0	9,1

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- KT01: B24.55 - Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-01;
- KT02: B24.56 - Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-02.

**Trưởng phòng thí nghiệm
(Head Testing Lab)****Nguyễn Huỳnh Thùy Trang****TUQ. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director****Hoàng Hoài**

KQ/240001030
No.: NA240326-04KT01-03**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ/ Address : 28B đường Thi Sách, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Công ty Cổ Phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam

Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải

Số lượng/ Quantity : 03 mẫu

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 26/03/2024

Ngày trả kết quả/ Date of result : 02/04/2024

Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong chai nhựa – Được khách hàng mang đến.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)		
					KT01	KT02	KT03
1.	Cl ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26	0,15	0,80	0,63	0,74

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả / Sample is stored 7 days after released the test results;
- KT01: B24.93 - Khí thải trong lòng ống khói của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) PL-01;
- KT02: B24.94 - Khí thải trong lòng ống khói của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) PL-02;
- KT03: B24.95 - Khí thải trong lòng ống khói của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) PL-03.

**Trưởng phòng thí nghiệm
(Head Testing Lab)****Nguyễn Huỳnh Thùy Trang****TUQ. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director****Hoàng Hoài**

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B24.100/TTQT 0198	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 04/04/2024 Trang (Page): 01/02

1. Tên mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại cống xả nước thải nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A2. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1174679; Y: 422207.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 25/03/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
1. Amoni (NH ₄ ⁺ , tính theo N)*	mg/l	TCVN 5988:1995	6,22
2. Oxi hòa tan (DO)**	mg/l	TCVN 12026:2018	6,6
3. Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	2,6
4. BOD ₅ (ở 20°C)*	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
5. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	KPH (<3,0)
6. Nitrat (NO ₃ ⁻ , tính theo N)*	mg/l	TCVN 6494-1:2011	0,71
7. Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,009)
8. Tổng Nito (T-N)*	mg/l	TCVN 6638:2000	12,2
9. Tổng photpho (T-P)*	mg/l	TCVN 6202:2008	KPH (<0,020)
10. Tổng dầu mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2023	KPH (<3,0)
11. T - Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2.400
12. Cadimi (Cd)	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0020)
13. Crôm (Cr)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2023	KPH (<0,030)
14. Kẽm (Zn)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2023	KPH (<0,050)

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B24.101/TTQT 0196	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 03/04/2024 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Nước mặt tại Cầu Rạch Trái, cách 500m về phía thượng nguồn so với điểm xả nước làm mát của nhà máy vào rạch (NM1). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1174643; Y: 422140.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 25/03/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	35
2. Clorua (Cl)*	mg/l	TCVN 6194:1996	15813
3. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	34,5
4. Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	27,2

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h40.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Lệ Hằng



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B24.102/TTQT 0197	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 03/04/2024 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Nước mặt sông Thị Vải, cách 100m về phía hạ nguồn so với điểm đổ nước làm mát của nhà máy vào sông (NM2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1174629; Y: 422100.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 25/03/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	39
2. Clorua (Cl)*	mg/l	TCVN 6194:1996	15918
3. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	34,7
4. Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	23,3

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h50.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

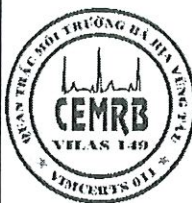
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Lệ Hằng



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	---	---

B24.98/TTQT 0229	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 09/04/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Bắc Nhà máy khoảng 500m (K1). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174330, Y = 422169.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 25/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (tb 1h)
1. Bụi toàn phần $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	12	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	30,0	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	60,6	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,85	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO	<6750	30.000
9. Hướng gió °	QCVN 46:2022/BTNMT	Đ95	-

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B24.99/TTQT 0230	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 09/04/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Tây Nam Nhà máy khoảng 500m (K2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1175230, Y=422818.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 25/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

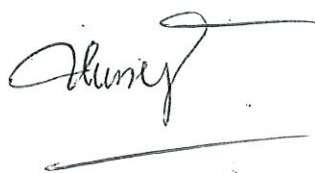
Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (tđ 1h)
1. Bụi toàn phần $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	6,9	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	33,5	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	68,3	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,99	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO	<6750	30.000
9. Hướng gió °	QCVN 46:2022/BTNMT	Đ95	-

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
	VILAS 149	

B24.97/TTQT 0228	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 09/04/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực văn phòng của Nhà máy (K3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174491, Y = 422323.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 25/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (tb 1h)
1. Bụi toàn phần $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	19	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	31,0	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	67,5	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	1,22	-
6. Khí SO_2 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO_2 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO	<6750	30.000
9. Hướng gió $^{\circ}$	QCVN 46:2022/BTNMT	Đ95	-

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
--	---	--

B24.53/TTQT 0171	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực lò luyện thép K4. Tọa độ X = 1174580, Y = 422787.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 18/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (th 1h)
1. Bụi toàn phần $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	13	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	31,8	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	70,9	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,46	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO	<6750	30.000
9. Hướng gió $^{\circ}$	QCVN 46:2022/BTNMT	ĐB 50	-

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
- : Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
--	--	--

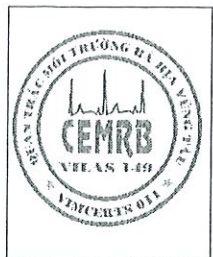
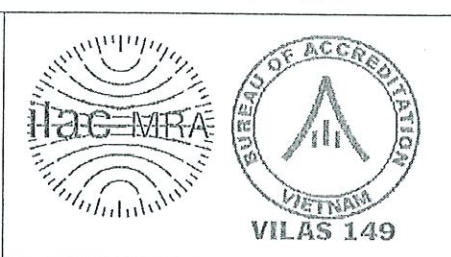
B24.52/TTQT 0169	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2024 Trang: 01/01
-----------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực tây gi K5. Toạ độ X = 1175052, Y = 423045.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 18/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (h 1h)
1. Bụi toàn phần $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	6,1	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	31,5	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	74,7	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	1,24	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO	<6750	30.000
9. Hướng gió $^{\circ}$	QCVN 46:2022/BTNMT	ĐB 50	-

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG Nguyễn Thị Hằng	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Xuân Sơn
--	---

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
---	---	---

B24.54/TTQT 0172	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cán nóng K7. Tọa độ X=1174580, Y=422787.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 18/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2023/BTNMT (tđ 1h)
1. Bụi toàn phần $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	300
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	6,8	-
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	32,4	-
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	73,3	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	1,88	-
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	350
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	200
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO	<6750	30.000
9. Hướng gió $^{\circ}$	QCVN 46:2022/BTNMT	ĐB 50	-

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

 SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
---	--

B24.82 - 84/TTQT 0208	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/04/2024 Trang: 01/01
----------------------------------	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K1 – K3 KK61-KK63
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 22/03/2024.
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K1	K2	K3
1. Bụi toàn phần $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	<33	<33	<33
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	40 CFR part 50 Method appendix J	11	3,1	5,9
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2022/BTNMT	33,6	32,6	33,3
4. Độ ẩm %	QCVN 46:2022/BTNMT	59,2	67,9	65,2
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	1,15	0,73	0,79
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	<33	<33	<33
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	<10	<10	<10
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-PTN-CO	<6750	<6750	<6750
9. VOC (Benzen)* $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	NIOSH Method 1501	<4	<4	<4
10. Hướng gió $^{\circ}$	QCVN 46:2022/BTNMT	ĐB 50	ĐB 50	ĐB 50

***Ghi chú:**

- K1: Không khí khu vực ống khói bên ngoài xưởng (KK63). Tọa độ X = 1174464, Y = 422762.
- K2: Không khí khu vực làm nguội tấm thép (KK62). Tọa độ X = 1174481, Y = 422711.
- K3: Không khí khu vực 02 bồn chứa hóa chất (KK61). Tọa độ X = 1174483, Y = 422794.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường NAVITEK".

**TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

KQ/240001029
No.: NA240326-04KK01-03**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ/ Address : 28B đường Thi Sách, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Công ty Cổ Phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam

Tên mẫu/ Name of sample : Không khí xung quanh

Số lượng/ Quantity : 03 mẫu

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 26/03/2024

Ngày trả kết quả/ Date of result : 02/04/2024

Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính – Được khách hàng mang đến.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)		
					KK01	KK02	KK03
1.	Benzene	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	4,0	KPH	KPH	KPH

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả / Sample is stored 7 days after released the test results;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KK01: B24.82 - Không khí khu vực ống khói bên ngoài xưởng (KK63);
- KK02: B24.83 - Không khí khu vực làm nguội tấm thép (KK62);
- KK03: B24.84 - Không khí khu vực 02 bồn chứa hóa chất (KK61).

**Trưởng phòng thí nghiệm
(Head Testing Lab)****Nguyễn Huỳnh Thùy Trang****TUQ. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director****Hoàng Hoài**

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B24.85 - 87/TTQT 0209	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/04/2024 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo Measurement Location	: K4 – K6. 01-03
2. Ngày đo Date of measurement	: 22/03/2024
3. Khách hàng Customer	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo Measurement result	:

Tên chỉ tiêu Name of measurement norm	Thiết bị đo/Phương pháp Methods/Equipment for measurement	Kết quả Result		
		K4	K5	K6
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	81,6	79,2	79,8
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878-2:2018	84,0	87,2	81,0
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878-2:2018	80,9	76,8	78,8

***Ghi chú:**

- K4: Tiếng ồn tại khu vực tráng phủ ACL01 (01). Toạ độ X: 1174481; Y: 422781.
- K5: Tiếng ồn tại khu vực tráng phủ ACL02 (02). Toạ độ X: 1174485; Y: 423781.
- K6: Tiếng ồn tại khu vực tráng phủ ACL03 (03). Toạ độ X: 1174483; Y: 422794.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	--	---	--

B24.88 - 90/TTQT 0210	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/04/2024 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K7 – K9. ON1-NO3
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 22/03/2024
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K7	K8	K9
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878-2:2018	61,8	61,4	69,1
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878-2:2018	87,4	73,0	92,3
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878-2:2018	40,4	52,2	61,9

***Ghi chú:**

- **K7:** Tiếng ồn tại khu vực Administration Office ADM (**ON1**).
- **K8:** Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 400 - 500m về phía Đông Bắc (**ON2**). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174378, Y = 423197.
- **K9:** Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 500m về phía Đông Nam (**ON3**). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1175230, Y = 422818.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt